

سورة المسد

SURAH AL-MASAD (111)

(Sợi Dây Thốt Nốt)

Mặc khải tại Makkah

﴿١١١﴾



بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung.

تَبَّتْ يَدَا أَبِي لَهَبٍ وَتَبَّ (١)

1- Hai tay của Abu Lahab bị huỷ diệt và y bị huỷ diệt!

مَا أَغْنَىٰ عَنْهُ مَالُهُ وَمَا كَسَبَ (٢)

2- Của cải và tất cả những gì mà y đã tậu tác sẽ chẳng giúp y được gì!

سَيَصْلَىٰ نَارًا ذَاتَ لَهَبٍ (٣)

3- Y sẽ bị đốt trong Lửa ngục ngục cháy!

وَأَمْرَأَتُهُ حَمَّالَةَ الْحَطَبِ (٤)

4- Và người vợ của y, người đã từng vác củi khô (cũng sẽ bị như thế).

فِي جِيدِهَا حَبْلٌ مِّنْ مَّسَدٍ (٥)

5- Cổ của bà ta sẽ bị thắt bởi một sợi dây thốt nốt.

TAFSIR – SỰ DIỄN GIẢI

*. Nguyên Nhân Của Việc Mặc Khải Surah Al-Masad Và Sự Kiêu Ngạo Của Abu Lahab Đối Với Thiên Sứ Muhammad (ﷺ):

Imam Al-Bukhari (رحمته الله) đã ghi chép lại từ ông Ibn Abbas (رحمته الله) rằng: Thiên sứ (ﷺ) đi đến thung lũng Al-Batha và trèo lên sườn núi. Sau đó, Người (ﷺ) lớn tiếng kêu gọi mọi người đến (يا صباحاه – *Hỡi người dân hãy đến đây ngay!*). Khi nghe lời kêu gọi của Thiên sứ (ﷺ) thì người dân Quraysh liền đến tụ họp rất đông xung quanh Người (ﷺ). Và Người (ﷺ) đã nói với họ như sau:

قال رسول الله (ﷺ): "أرأيتم إن حدثتكم أن العدو مصبحكم أو ممسيكم أكنتم تصدقوني؟"

“Nếu như Ta nói cho các người biết rằng kẻ thù sẽ tấn công các người vào buổi sáng hoặc là vào buổi chiều, thì các người có tin Ta không?”

Họ đồng đáp: *“Vâng, chúng tôi tin.”*

Sau đó, Người (ﷺ) nói tiếp như sau:

قال رسول الله (ﷺ): "فإني نذير لكم بين يدي عذاب شديد"

“Quả thực, Ta là một người cảnh báo (được gửi đến) cho các người trước khi một sự trừng phạt đau đớn đổ ập lên đầu các người.”

Khi nghe Thiên sứ (ﷺ) nói thế thì Abu Lahab bèn nói đôi đáp lại như sau: *“Có phải Người tập trung chúng tôi lại để nói những điều này không! Cầu mong cho Người bị diệt vong!”*

Vì thế, Allah (ﷻ) đã mặc khải như sau:

قال الله تعالى:

﴿ تَبَّتْ يَدَا أَبِي لَهَبٍ وَتَبَّ (١) ﴾

((1- Hai tay của Abu Lahab bị huỷ diệt và y bị huỷ diệt!))

Theo một lời thuật khác thì Abu Lahab đứng lên đánh vào tay của Thiên sứ (ﷺ) và nói: “*Người sẽ bị chết vào những thời khắc còn lại của ngày hôm nay! Có phải Người tập trung chúng tôi lại vì điều này không?*”.

Sau đó, Allah (ﷻ) đã mặc khải: *تَبَّتْ يَدَا أَبِي لَهَبٍ وَتَبَّ*

Phần đầu của Ayah này là lời thỉnh cầu của Thiên sứ (ﷺ) với Allah (ﷻ) nhằm giúp Người (ﷺ) chống lại Abu Lahab và phần thứ hai của Ayah này là thông tin về vận mệnh Abu Lahab.

Abu Lahab là một trong những người bác trai của Thiên sứ của Allah (ﷻ). Tên đầy đủ của y là Abdul Uzza bin Abdul-Muttalib. Và biệt danh của y là Abu Utaybah nhưng y lại thường được gọi là Abu Lahab, do bởi khuôn mặt sáng và thông minh của y. Y là người luôn tìm cách hãm hại Thiên sứ của Allah (ﷻ). Y căm ghét và khinh miệt Người (ﷺ) và tôn giáo của Người (ﷺ).

Imam Ahmad (رحمه الله) đã ghi chép lại từ ông Abu Az-Zinad (رحمه الله) như sau: Một người đàn ông có tên gọi là Rabi'ah bin Abbad đến từ Bani Ad-Dil, là một người thuộc thời kỳ tiền Islam và đã gia nhập Islam đã nói với ông Abu Az-Zinad (رحمه الله) như sau: “Tôi đã từng nhìn thấy Thiên sứ Muhammad (ﷺ) vào thời kỳ tiền Islam tại chợ Dhul-Majaz, và lúc đó Người (ﷺ) đang nói với người dân Makkah như sau:

قال رسول الله صلى الله عليه وسلم: " يا أيها الناس . قولوا : لا إله إلا الله تفلحوا "

“Hỡi người dân! Hãy nói rằng không có thượng đế nào đáng phải tôn thờ, ngoại trừ Allah (ﷻ) và các người sẽ được thành công.”

Lúc đó, mọi người đang tập trung rất đông xung quanh Người (ﷺ) và từ đằng sau lưng Người (ﷺ) có một người đàn ông có khuôn mặt sáng, cặp mắt liếc xiên, và hai thắt nơ giữ tóc đã nói như sau: “*Quả thực, y là một kẻ bội giáo (từ bỏ tôn giáo của chúng ta), và là một kẻ dối trá.*”

Người đàn ông này đã đi theo Người (ﷺ) đến bất cứ nơi nào mà Người (ﷺ) đi đến. Thấy thế, tôi hỏi mọi người rằng người đàn ông đó là ai vậy; và họ đã trả lời tôi như sau: “*Đó là người bác trai của Người (ﷺ), Abu Lahab.*”

Imam Ahmad (رحمه الله) cũng đã ghi chép lại lời thuật này từ ông Surayh (رحمه الله), người đã thuật lại từ ông Ibn Abu Az-Zinad (رحمه الله), người đã thuật lại từ cha của ông (Abu Zinad) là người đã kể lại lời thuật tương tự.

Tuy nhiên, về lời thuật này, ông Abu Zinad (رضي الله عنه) đã có nói như sau: “Tôi đã hỏi ông Rabi’ah (رضي الله عنه): ‘Có phải lúc đó ông vẫn còn là một đứa trẻ phải không!’. Ông Rabi’ah (رضي الله عنه) đáp như sau: ‘Không. Nhân danh Allah (ﷻ), ngày đó tôi là một người thông minh nhất, và tôi là một người thổi sáo (nhạc cụ) hay nhất.’”¹

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ مَا أَغْنَىٰ عَنْهُ مَالُهُ وَمَا كَسَبَ (٢) ﴾

((2- Của cải và tất cả những gì mà y đã tậu tác sẽ chẳng giúp y được gì!))

Ông Ibn Abbas (رضي الله عنه) và nhiều người khác đã nói như sau: وَمَا كَسَبَ và con cái của y (كَسَبَ - Kasab) sẽ chẳng giúp ích gì cho y được cả!

“كَسَبَ - Kasab có nghĩa là con cái của y.”

Một lời thuật tương tự cũng đã được thuật lại từ bà A’ishah, ông Mujahid, ông Ata’, ông Al-Hasan và ông Ibn Sirin (رضي الله عنه).

Ông Ibn Masud (رضي الله عنه) kể lại rằng khi Thiên sứ của Allah (ﷻ) kêu gọi người dân của Người (ﷻ) đến với đức tin, thì ông Abu Lahab đã nói như sau: “Thậm chí nếu như những gì mà đứa cháu của ta nói là sự thật, thì ta sẽ dùng tài sản và con cái của ta để chuộc bản thân ta (cứu bản thân ta) tránh khỏi sự trừng phạt đau đớn vào Ngày Phán Xét.”

Vì thế, Allah (ﷻ) đã phán مَا أَغْنَىٰ عَنْهُ مَالُهُ وَمَا كَسَبَ - Của cải và tất cả những gì mà y đã tậu tác sẽ chẳng giúp y được gì!

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ سَيَصْلَىٰ نَارًا ذَاتَ لَهَبٍ (٣) ﴾

((3- Y sẽ bị đốt trong Lửa ngục cháy!))

Có nghĩa là Ngọn lửa cháy bùng bùng, đốt cháy dữ dội và khốc liệt.

¹. Chỉ có duy nhất Imam Ahmad (رضي الله عنه) ghi chép lại Hadith này.

*. Vận Mệnh Của Umm Jamil, Vợ Của Abu Lahab:

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ وَأَمْرَأَتُهُ حَمَّالَةَ الْحَطَبِ (٤) ﴾

((4- Và người vợ của y, người đã từng vác củi khô (cũng sẽ bị như thế).))

Vợ của Abu Lahab là một trong những người phụ nữ lãnh đạo của Bani Quraysh và mẹ ta được biết như là Umm Jamil. Tên đầy đủ của mẹ là Arwaa bint Harb bin Umayyah, và mẹ là chị gái của Abu Sufyan. Mẹ ta tham gia và hỗ trợ đắc lực cho chồng của mẹ trong việc bất tín của chồng mẹ, ngoan cố và phủ nhận. Do đó, mẹ ta sẽ là một sự trợ giúp đắc lực trong việc trừng trị chồng mẹ trong Hỏa Ngục vào Ngày Phán Xét.

Vì thế, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ ... حَمَّالَةَ الْحَطَبِ ﴾

((... người đã từng vác củi khô))

Và;

قال الله تعالى :

﴿ فِي جِيدِهَا حَبْلٌ مِنْ مَسَدٍ (٥) ﴾

((5- Cổ của bà ta sẽ bị thắt bởi một sợi dây thốt nốt.))

Có nghĩa rằng, mẹ sẽ là người khuân vác củi khô và quăng nó vào chồng mẹ để đốt chồng mẹ và gia tăng mức độ trừng trị lên chồng mẹ. Mẹ ta luôn ở trong tư thế sẵn sàng để làm công việc này.

﴿ فِي جِيدِهَا حَبْلٌ مِنْ مَسَدٍ ﴾ - Cổ của bà ta sẽ bị thắt bởi một sợi dây thốt nốt. Ông Muhajid (ﷺ) và ông Urwah (ﷺ) cả hai đã có nói như sau: “Sợi dây này được lấy từ Hỏa Ngục”.

Ông Al-Awfi đã thuật lại từ ông Ibn Abbas, ông Atiyah Al-Jadadi, ông Ad-Dahhak và ông Ibn Zayd (ﷺ) rằng: ‘Mẹ ta thường lấy những bụi gai (cây có gai) chặn trên đường đi của Thiên sứ của Allah (ﷺ)’.

Ông Al-Jawhari (ﷺ) đã nói như sau: “*Al-Masad* là những sợi thớ thực vật, và nó cũng là một sợi dây thừng được làm từ những sợi thớ thực vật hoặc là từ những lá cọ. Ngoài ra, nó cũng có thể được làm từ da hoặc là lông của lạc đà. Trong ngôn ngữ Ả-rập *Masadtul-Habla* và *Amsaduhu Masadan*; có nghĩa là khi các người siết chặt nó thành sợi dây bện.”

Ông Mujahid (ﷺ) đã nói về: *فِي جِيدِهَا حَبْلٌ مِنْ مَسَدٍ* - Cỗ của bà ta sẽ bị thắt bởi một sợi dây thốt nốt; có nghĩa là “*Một vòng cổ bằng sắt*”. Và người Ả-rập thường gọi một sợi dây ròng rọc là một **Masad**.

*. Câu Chuyện Về Việc Mụ Vợ Của Abu Lahab Hãm Hại Thiên Sứ Của Allah (ﷺ):

Ông Ibn Abi Hatim (ﷺ) đã nói rằng cha của ông và ông Abu Zarah (ﷺ) cả hai có nói rằng ông Abdullah bin Az-Zubayr Al-Humady (ﷺ) đã có kể cho họ nghe rằng ông Abu Sufyan (ﷺ) có báo cho họ biết rằng ông Al-Walid bin Kathir (ﷺ) đã được ông Ibn Tadrus (ﷺ) thuật lại rằng bà Asma' bint Abu Bakr (ﷺ) đã có nói như sau: “*كَبَّتْ يَدَا أَبِي لَهَبٍ وَتَبَّ* - Hai tay của Abu Lahab bị huỷ diệt và y bị huỷ diệt! - được mặc khải thì người đàn bà một mắt Umm Jamil bin Harb than vãn, và cầm một hòn đá cầm trong tay: ‘*Y (Muhammad) chỉ trích tổ tiên của chúng ta, và tôn giáo của y là một sự khinh bỉ đối với chúng ta, và mệnh lệnh của y là nhằm chống đối lại chúng ta.*’

Thiên sứ của Allah (ﷺ) đang ngồi trong Masjid (Ngôi đền Ka'bah) cùng với ông Abu Bakr (ﷺ). Khi ông Abu Bakr (ﷺ) trông thấy mụ ta đi đến thì ông Abu Bakr (ﷺ) đã nói với Thiên sứ (ﷺ) như sau: ‘*Thưa Thiên sứ của Allah (ﷺ)! Mụ ta đang đi đến đây và tôi lo sợ rằng mụ ta sẽ nhìn thấy Người (ﷺ).*’

Thiên sứ của Allah (ﷺ) đã đáp như sau: *إِنهَا لَنْ تَرَانِي* – **Quả thực, mụ ta sẽ không nhìn thấy Ta.** Sau đó, Người (ﷺ) đã đọc vài Ayat của Qur'an để tìm kiếm sự che chở bảo vệ cho bản thân Người (ﷺ).

Như Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ وَإِذَا قَرَأْتَ الْقُرْآنَ جَعَلْنَا بَيْنَكَ وَبَيْنَ الَّذِينَ لَا يُؤْمِنُونَ بِالْآخِرَةِ حِجَابًا مَسْتُورًا ﴾ سورة الإسراء : ٤٥

“Và khi Người đọc Qur'an, TA đã đặt giữa Người và những kẻ không tin

noi Đòi sau một bức màn vô hình.” [Surah Al-Isra’: 45]

Mụ ta tiến đến đứng trước mặt ông Abu Bakr (ﷺ) nhưng mụ ta lại không nhìn thấy Thiên sứ của Allah (ﷺ) được.

Và mụ ta đã nói với ông Abu Bakr (ﷺ) như sau: *‘Này hỡi Abu Bakr! Quả thực, ta được báo rằng người bạn của người đang sáng tác thơ ca để phỉ báng ta.’*

Ông Abu Bakr (ﷺ) đã đáp như sau: *‘Không! Thề bởi Đấng Chủ Tể của Ngôi đền này (Ka’bah), Người (ﷺ) không có phỉ báng bà.’*

Mụ ta quay đi và lầm bầm nói: *‘Dích thực, người dân Quraysh biết rõ ta là con gái của vị lãnh tụ của họ.’*

Ông Al-Walid (ﷺ) hoặc là một người khác đã thuật lại Hadith này theo một cách diễn đạt khác như sau: “Umm Jamil vén áo dài của mụ ta cao lên đến thắt lưng trong lúc đi lòng vòng xung quanh Ngôi đền Ka’bah và nói: *‘Tai ương đến với ai mang nhicc ta.’*

Nghe thê, Umm Hakim bint Abdul-Muttalib đã nói như sau: *‘Ta là một người phụ nữ tiết hạnh, vì thế ta sẽ không lãng mạ ai cả và ta là người tế nhị, ta không biết gì cả. Cả hai chúng ta đều cùng là con cháu của một người chú. Và sau tất cả thì người dân Quraysh biết rõ nhất.’*”



سورة النصر

SURAH AN-NASR (110)

(SỰ GIÚP ĐỖ)

Mặc khải tại Makkah



*. Những Đức Hạnh Ưu Điểm Của Surah An-Nasr:

Các học giả Muslim nói rằng Surah An-Nasr (110) tương đương với một phần tư (1/4) của Qur’an và Surah Az-Zalzalah (99) thì cũng tương đương với một phần tư (1/4) của Qur’an.

Ông An-Nasa'i (رحمه الله) đã ghi chép lại từ ông Ubaydullah bin Abdullah bin Utbah (رحمه الله) rằng ông Ibn Abbas (رحمه الله) đã có nói với ông như sau: “Hỡi Ibn ‘Utbah! Ông có biết rằng Surah cuối cùng của Qur’an được mặc khải là Surah nào không?”

Ông đáp: “Vâng tôi biết, đó là إِذَا جَاءَ نَصْرُ اللَّهِ وَالْفَتْحُ - Khi sự giúp đỡ của Allah đến (với Người-Muhammad) và sự thắng lợi (khi chinh phục Makkah).”

Ông (Ibn Abbas) nói: “Ông đã nói sự thật.”



بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ
 قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ ١ مَلِكِ النَّاسِ ٢ إِلَهِ
 النَّاسِ ٣ مِنْ شَرِّ الْوَسْوَاسِ الْخَنَّاسِ ٤ الَّذِي
 يُوسْوِسُ فِي صُدُورِ النَّاسِ ٥
 مِنَ الْجِنَّةِ وَالنَّاسِ ٦

سورة النصر

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung.

إِذَا جَاءَ نَصْرُ اللَّهِ وَالْفَتْحُ (١)

1- Khi sự giúp đỡ của Allah đến (với Người-Muhammad) và sự thắng lợi (khi chinh phục Makkah),

وَرَأَيْتِ النَّاسَ يَدْخُلُونَ فِي دِينِ اللَّهِ أَفْوَاجًا (٢)

2- Và Người thấy nhân loại gia nhập Din của Allah (Islam) từng đoàn;

فَسَبِّحْ بِحَمْدِ رَبِّكَ وَاسْتَغْفِرْهُ إِنَّهُ كَانَ تَوَّابًا (٣)

3- Bởi thế, hãy tán dương lời ca tụng *Rabb* (Allah) của Người và cầu xin Ngài tha thứ. Quả thật, Ngài Hằng quay lại tha thứ.

TAFSIR – SỰ DIỄN GIẢI

*. Surah Nay Báo Cho Biết Trước Về Sự Kết Thúc Cuộc Sống Của Thiên Sứ Của Allah (ﷺ):

Imam Al-Bukhari (رحمته الله) đã ghi chép lại từ ông Ibn Abbas (رحمته الله) rằng ông đã nói như sau: “Ông Umar (رحمته الله) thường đưa ta đến cùng trong các buổi gặp gỡ với những người đàn ông của trận chiến Badr. Tuy nhiên, có một người trong họ cảm thấy không hài lòng về sự có mặt của ta, và nói: *‘Tại sao ông (Umar) mang người này (người thanh niên trẻ tuổi) đến ngồi cùng với chúng ta trong khi chúng ta có con cái trạc tuổi anh ta.’*

Ông Umar (رحمته الله) đã đáp như sau: *‘Quả thực, anh ta là một trong những người mà ngươi biết.’*

Sau đó, vào một ngày ông Umar (رحمته الله) gọi mọi người đến và mời ta đến ngồi cùng với họ. Lúc đó, ta đã nghĩ rằng ông Umar (رحمته الله) mời ta đến ngồi cùng với họ là chỉ vì muốn cho họ biết về ta mà thôi. Trong buổi gặp gỡ đó, Ông Umar (رحمته الله) đã nói với họ như sau: *‘Các người nghĩ thế nào về Lời Phán của Allah (ﷻ), إِذَا جَاءَ نَصْرُ اللَّهِ وَالْفَتْحُ - Khi sự giúp đỡ của Allah đến (với Ngươi-Muhammad) và sự thắng lợi (khi chinh phục Makkah).’*

Vài người trong họ đã nói: *‘Chúng ta được mệnh lệnh là phải tán dương Allah (ﷻ) và thỉnh cầu sự khoan dung tha thứ của Ngài (ﷻ) khi Ngài (ﷻ) giúp đỡ chúng ta và ban cho chúng ta chiến thắng.’*

Tuy nhiên, một số người khác thì giữ im lặng và không ai nói gì cả. Sau đó, thì ông Umar (رحمته الله) đã nói với ta như sau: *‘Có phải nhà ngươi cũng sẽ nói như vậy phải không Ibn Abbas’.*

Ta đáp: *‘Không’.*

Ông Umar (رحمته الله) nói tiếp: *‘Vậy, ngươi sẽ nói như thế nào?’*

Ta nói: *‘Đó là điểm kết của cuộc đời của Thiên sứ của Allah (ﷻ) và Allah (ﷻ) đã báo cho Người (ﷻ) biết trước về điều đó’.*

Allah (ﷻ) đã phán:

قال الله تعالى :

﴿ إِذَا جَاءَ نَصْرُ اللَّهِ وَالْفَتْحُ (١) ﴾

((1- Khi sự giúp đỡ của Allah đến (với Người-Muhammad) và sự thắng lợi (khi chinh phục Makkah),))

Nó có nghĩa rằng đó là một dấu hiệu về sự kết thúc cuộc sống của Thiên sứ của Allah (ﷺ). فَسَبِّحْ بِحَمْدِ رَبِّكَ وَاسْتَغْفِرْهُ إِنَّهُ كَانَ تَوَّابًا. - Bởi thế, hãy tán dương, ca tụng Rabb (Allah) của Người và cầu xin Ngài tha thứ. Quả thật, Ngài Hằng quay lại tha thứ. Sau đó, Ông Umar bin Al-Kattab (رضي الله عنه) đã nói như sau: *‘Ta không biết điều gì cả, ngoài những gì mà người đã nói’.*” Chỉ có duy nhất Imam Al-Bukhari (رحمه الله) ghi chép lại Hadith này.

Ông Ibn Abbas (رضي الله عنه) đã nói như sau: “ إِذَا جَاءَ نَصْرُ اللَّهِ وَالْفَتْحُ - Khi sự giúp đỡ của Allah đến (với Người-Muhammad) và sự thắng lợi (khi chinh phục Makkah), - được mặc khải thì Thiên sứ của Allah (ﷺ) đã có nói như sau: *– Ta đã được báo cho biết trước về cái chết của Ta.* Và quả thực, Người (ﷺ) đã qua đời vào năm đó.”²

Imam Al-Bukhari (رحمه الله) đã ghi chép lại rằng bà ‘Aishah (رضي الله عنها) đã có nói như sau: **“Thiên sứ của Allah (ﷺ) thường đọc trong lúc Ruku’ và Sujud trong các Lễ nguyện Solah của Người (ﷺ): سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ رَبَّنَا وَبِحَمْدِكَ اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي – Vinh quang đến với Ngài, Kính thưa Allah! Đấng Chủ Tể của bề tôi, và mọi sự tán dương đều hướng về Ngài, Kính thưa Allah! Xin Ngài hãy tha thứ cho bề tôi.”**³

Imam Ahmad (رحمه الله) đã ghi chép lại từ ông Masruq (رضي الله عنه) rằng bà ‘Aishah (رضي الله عنها) đã có nói như sau: **“Thiên sứ của Allah (ﷺ) luôn nói như sau vào những ngày cuối của cuộc đời của Người (ﷺ): سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ وَبِحَمْدِهِ، أَسْغِفِرُكَ اللَّهُ وَأَتُوبُ إِلَيْهِ – Vinh quang đến Allah và mọi sự tán dương đều hướng về Ngài. Bề tôi cầu xin sự tha thứ của Allah và bề tôi thành tâm sám hối với Ngài.”**

Và Người (ﷺ) cũng đã nói như sau:

قال رسول الله صلى الله عليه وسلم :

². Hadith do Imam Ahmad (رحمه الله) ghi chép lại.

³. Những nhà sưu tầm Hadith đều ghi chép lại Hadith này, ngoại trừ ông At-Tirmidhi (رحمه الله).

إن ربي كان أخبرني أنني سأرى علامة في أمتي ، وأمرني إذا رأيتهما أن أسبح بحمده وأستغفره ، إنه كان توابا ، فقد رأيتهما:

﴿ إِذَا جَاءَ نَصْرُ اللَّهِ وَالْفَتْحُ (١) ﴾

﴿ وَرَأَيْتَ النَّاسَ يَدْخُلُونَ فِي دِينِ اللَّهِ أَفْوَاجًا (٢) ﴾

﴿ فَسَبِّحْ بِحَمْدِ رَبِّكَ وَاسْتَغْفِرْهُ إِنَّهُ كَانَ تَوَّابًا (٣) ﴾

Quả thực, Đấng Chủ Tể của Ta đã báo cho Ta biết rằng Ta sẽ nhìn thấy một dấu hiệu trong Cộng đồng (Ummah) của Ta và Ngài (ﷺ) đã mệnh lệnh cho Ta rằng khi Ta nhìn thấy nó thì Ta phải ca ngợi tán dương Ngài (ﷻ) và thỉnh cầu Sự Tha Thứ của Ngài (ﷻ); bởi vì quả thực Ngài (ﷻ) là Đấng Duy Nhất chấp thuận sự ăn năn hối cải. Và đích thực, Ta đã nhìn thấy nó (dấu hiệu):

((1- Khi sự giúp đỡ của Allah đến (với Người-Muhammad) và sự thắng lợi (khi chinh phục Makkah),))

((2- Và Người thấy nhân loại gia nhập Din của Allah (Islam) từng đoàn;))

((3- Bởi thế, hãy tán dương lời ca tụng Rabb (Allah) của Người và cầu xin Ngài tha thứ. Quả thật, Ngài Hằng quay lại tha thứ.))

Al-Fath (الفتح) có nghĩa là sự chinh phục Makkah, và chỉ có duy nhất một quan điểm về điều này. Bởi vì, đích thực lúc đó có nhiều vùng lãnh thổ khác ở bán đảo Ả-rập đang chờ đợi Makkah được giải phóng trước khi họ gia nhập Islam. Họ nói: “*Nếu như Người-Muhammad (ﷺ) dành chiến thắng trước người dân của Người (ﷻ) thì Người (ﷻ) đích thực là một Vị Thiên Sứ.*”

Do đó, khi Allah (ﷻ) ban cho Người (ﷻ) chiến thắng trên toàn Makkah thì có rất nhiều người tuyên thệ gia nhập tôn giáo của Allah (ﷻ). Vì thế, chưa đầy hai năm kể từ ngày chinh phục Makkah thì toàn bộ bán đảo Ả-rập tràn ngập đức tin vào Allah (ﷻ). Và không còn sót lại bất kỳ một bộ lạc nào của Ả-rập là chưa tuyên thệ gia nhập Islam cả. Mọi sự ca ngợi và tán dương đều hướng về Allah (ﷻ).

Imam Al-Bukhari (ﷺ) ghi chép lại trong Quyển Sahih của Imam rằng ông ‘Amr bin Salamah (ﷺ) đã có nói như sau: “*Khi Makkah bị chinh phục thì tất cả người dân ở đó đều hối hả chạy đến gặp Thiên sứ của Allah (ﷻ) để tuyên xưng sự gia nhập Islam của họ. Có nhiều vùng đã trì hoãn lại việc gia nhập Islam cho đến khi Makkah được giải phóng. Người dân đã thường nói với nhau như sau: ‘Hãy để*

mặc cho Người (ﷺ) và người dân của Người (ﷺ). Nếu như Người (ﷺ) dành chiến thắng trước họ thì đích thực Người (ﷺ) là một Vị Thiên Sứ.’”

Chúng tôi đã nghiên cứu và ghi chép lại về cuộc viễn chinh giải phóng Makkah trong quyển sách có tiêu đề là **As-Sirah**. Do đó, những ai muốn nghiên cứu thêm thì có thể tham khảo ở quyển sách đó.

Imam Ahmad (رحمته الله) đã ghi chép lại từ ông Abu ‘Ammar (رحمته الله) rằng một người láng giềng của ông Jabir bin ‘Abdullah (رحمته الله) đã nói với ông như sau: “Ta trở về từ một chuyến dạ hành thì ông Jabir bin ‘Abdullah (رحمته الله) đến chúc tụng ta. Lúc đó, ta kể cho ông Jabir (رحمته الله) nghe về sự chia rẽ giữa những con người với nhau và những gì mà họ đang làm. Nghe thế, ông Jabir (r.a) đã khóc và nói với ta như sau: ‘*Quả thực, ta đã từng nghe Thiên sứ (ﷺ) nói như sau: ، إن الناس دخلوا في دين الله أفواجا ، وسيخرجون منه أفواجا* – *Quả thực, vô số người dân đã gia nhập tôn giáo của Allah (ﷻ) và cũng vô số họ sẽ từ bỏ tôn giáo của Allah (ﷻ).*”

والله أعلم وصلى الله وسلم على نبينا محمد وعلى آله وصحبه أجمعين



سورة الكافرون

SURAH AL-KAFIRUN (109)

(NHỮNG KẺ PHỦ NHẬN ALLAH)

Mặc khải tại Makkah



بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

قُلْ يَتَّيِبُهَا الْكٰفِرُونَ ﴿١﴾ لَا اَعْبُدُ مَا تَعْبُدُونَ ﴿٢﴾
 وَلَا اَنْتُمْ عٰبِدُونَ مَا اَعْبُدُ ﴿٣﴾ وَلَا اَنَا عٰبِدُ مَا عٰبَدْتُمْ
 وَلَا اَنْتُمْ عٰبِدُونَ مَا اَعْبُدُ ﴿٥﴾ لَكُمْ دِيْنِكُمْ وَاِلٰي دِيْنِ ﴿٦﴾

Trong Sahih Muslim, ông Jabir (رضي الله عنه) thuật lại rằng: “*Thiên sứ của Allah (ﷺ) xướng đọc Surah Al-Kafirun và قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ - Hãy bảo (họ): “Ngài, Allah, là Một (Duy Nhất)⁴ – trong hai Rak’at của Tawaf.”*

Ngoài ra, trong Sahih Muslim cũng đã ghi chép lại rằng ông Abu Hurayrah (رضي الله عنه) thuật lại rằng: “*Thiên sứ của Allah (ﷺ) xướng đọc hai Surah này trong hai Rak’at trong Lễ nguyện Solah Sunat buổi sáng”.*

Imam Ahmad (رضي الله عنه) đã ghi chép lại rằng ông Ibn Umar (رضي الله عنه) đã có nói như sau: “*Thiên sứ của Allah (ﷺ) đã xướng đọc قُلْ يَا أَيُّهَا الْكَافِرُونَ - Hãy bảo (chúng): “Này hỡi những kẻ phủ nhận Allah!⁵ – và قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ - Hãy bảo (họ): “Ngài, Allah, là Một (Duy Nhất)⁶ - trong hai Rak’at trước Lễ nguyện Solah Subuh⁷ và hai Rak’at sau Lễ nguyện Solah Marghip trong mười mấy lần hoặc hai mươi mấy lần”.*

Ngoài ra, Imam Ahmad (رضي الله عنه) cũng đã ghi chép lại rằng ông Ibn Umar (رضي الله عنه) đã có nói như sau: “*Ta từng nhìn thấy Thiên sứ (ﷺ) đã xướng đọc قُلْ يَا أَيُّهَا الْكَافِرُونَ - Hãy bảo (chúng): Này hỡi những kẻ phủ nhận Allah!⁸ – và قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ - Hãy bảo (họ): “Ngài, Allah, là Một (Duy Nhất)⁹ - trong hai Rak’at trước Lễ nguyện Solah Subah và hai Rak’at sau Lễ nguyện Solah Marghip hai mươi bốn hay hai mươi lăm lần”.*

Imam Ahmad (رضي الله عنه) cũng đã ghi chép lại rằng ông Ibn Umar (رضي الله عنه) đã có nói như sau: “*Ta quan sát thấy Thiên sứ (ﷺ) đã xướng đọc قُلْ يَا أَيُّهَا الْكَافِرُونَ - Hãy bảo (chúng): “Này hỡi những kẻ phủ nhận Allah!¹⁰ – và قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ - Hãy bảo (họ): “Ngài, Allah, là Một (Duy Nhất)¹¹ - trong hai Rak’at trước Lễ nguyện Solah buổi sáng trong suốt thời gian một tháng”¹².*

⁴. Surah Al-Ikhlâs.

⁵. Surah Al-Kafirun.

⁶. Surah Al-Ikhlâs.

⁷. Solah Sunat Fajr

⁸. Surah Al-Kafirun.

⁹. Surah Al-Ikhlâs.

¹⁰. Surah Al-Kafirun.

¹¹. Surah Al-Ikhlâs.

¹². Ông At-Tirmidhi, ông Ibn Majah và ông An-Nasa’i (رضي الله عنه) cũng đã ghi chép lại Hadith này. Ông At-Tirmidhi (رضي الله عنه) xếp loại Hadith này là Hadith Hasan.

Như đã được đề cập trong một Hadith trước đây rằng Surah Al-Karifun tương đương với một phần tư (1/4) Qur'an, và tương tự thì Surah Az-Zalzalah cũng tương đương với một phần tư (1/4) Qur'an.

سورة الكافرون

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung.

قُلْ يَا أَيُّهَا الْكَافِرُونَ (١)

1- Hãy bảo (chúng): "Này hỡi những kẻ phủ nhận Allah!

لَا أَعْبُدُ مَا تَعْبُدُونَ (٢)

2- "Ta không tôn thờ những kẻ (thần linh) mà các ngươi tôn thờ,

وَلَا أَنْتُمْ عَابِدُونَ مَا أَعْبُدُ (٣)

3- "Các ngươi cũng sẽ không tôn thờ Đấng (Allah) mà Ta thờ phụng.

وَلَا أَنَا عَابِدٌ مَا عَبَدْتُمْ (٤)

4- "Và Ta sẽ không là một tín đồ của kẻ mà các ngươi đang tôn thờ;

وَلَا أَنْتُمْ عَابِدُونَ مَا أَعْبُدُ (٥)

5- "Và các ngươi cũng sẽ không tôn thờ Đấng (Allah) mà Ta đang thờ phụng;

لَكُمْ دِينُكُمْ وَلِيَ دِينِ (٦)

6- "Din (tôn giáo, con đường sống) của các ngươi thuộc về các ngươi. Din của Ta thuộc về Ta".

TAFSIR – SỰ DIỄN GIẢI

***. Lời Tuyên Bó Về Sự Vô Tội Từ Shirk:** Surah này là Surah của sự phủ nhận những việc làm của những kẻ đa thần giáo. Surah này là một mệnh lệnh và chỉ thị rằng phải hoàn toàn tuyệt đối phủ nhận những việc làm của những kẻ đa thần.

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ قُلْ يَا أَيُّهَا الْكَافِرُونَ (١) ﴾

((1- Hãy bảo (chúng): "Này hỡi những kẻ phủ nhận Allah!))

Những kẻ phủ nhận Allah (ﷻ) bao gồm tất cả những kẻ bất tin trên trái đất này. Tuy nhiên, Lời Phán này đặc biệt trực tiếp phán về những kẻ bất tin Quraysh.

Nó được nói rằng về việc phủ nhận của họ (Quraysh) rằng họ đã mời gọi Thiên sứ của Allah (ﷻ) thờ phụng các bực tượng của họ trong thời gian một năm rồi sau đó thì họ cũng sẽ thờ phụng lại Allah (ﷻ) trong một thời gian tương tự. Do đó, Allah (ﷻ) đã mặc khải Surah này như là một mệnh lệnh chỉ thị cho Thiên sứ (ﷺ) là phải tuyệt đối phủ nhận nó và bản thân Người (ﷺ) phải tránh thật xa tôn giáo của họ.

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ لَا أَعْبُدُ مَا تَعْبُدُونَ (٢) ﴾

((2- "Ta không tôn thờ những kẻ (thần linh) mà các ngươi tôn thờ,))

Có nghĩa là các bực tượng và các thần linh mà người Quraysh đang sùng kính và tôn thờ.

Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ وَلَا أَنْتُمْ عَابِدُونَ مَا أَعْبُدُ (٣) ﴾

((3- "Các ngươi cũng sẽ không tôn thờ Đấng (Allah) mà Ta thờ phụng.))

Ngài (ﷻ) là Đấng Allah Duy Nhất, và không có bất kỳ đối tác nào cả. Từ **Ma** (مَا) trong Ayah này có nghĩa là **Allah** (ﷻ).

Sau đó, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ وَلَا أَنَا عَابِدٌ مَا عَبَدْتُمْ (٤) ﴾

﴿ وَلَا أَنْتُمْ عَابِدُونَ مَا أَعْبُدُ (٥) ﴾

((4- "Và Ta sẽ không là một tín đồ của kẻ mà các người đang tôn thờ;))
 ((5- "Và các người cũng sẽ không tôn thờ Đấng (Allah) mà Ta đang thờ phụng;))

Có nghĩa rằng: ‘Ta-Muhammad (ﷺ) không tôn thờ những gì mà các người tôn thờ; Ta không đi cùng với nó và cũng không tuân theo nó. Ta chỉ tôn thờ Đấng Allah (ﷻ) duy nhất và tuân theo những gì mà Ngài (ﷻ) yêu thương và hài lòng.’

Vì thế, Allah (ﷻ) đã phán như sau:

قال الله تعالى :

﴿ لَكُمْ دِينُكُمْ وَلِي دِينِ (٦) ﴾

((6- "Din (tôn giáo, con đường sống) của các người thuộc về các người. Din của Ta thuộc về Ta".))

Có nghĩa là ‘Các người không tuân theo mệnh lệnh của Allah (ﷻ) và Pháp Chế của Ngài (ﷻ) trong việc thờ phụng Ngài (ﷻ). Các người đã tự tưởng tượng và sáng chế ra những thứ mà nó không thể nào cứu rỗi được linh hồn của các người.’

Như Allah (ﷻ) đã phán trong Surah An-Najm¹³ như sau:

قال الله تعالى :

﴿ إِنْ هِيَ إِلَّا أَسْمَاءٌ سَمَّيْتُمُوهَا أَنْتُمْ وَآبَاؤُكُمْ مَا أَنْزَلَ اللَّهُ بِهَا مِنْ سُلْطَانٍ إِنْ يَتَّبِعُونَ إِلَّا الظَّنَّ وَمَا تَهْوَى الْأَنْفُسُ وَلَقَدْ جَاءَهُمْ مِنْ رَبِّهِمُ الْهُدَى ﴾ سورة النجم : ٢٣

“Đó chẳng qua là những tên gọi mà các người và cha mẹ của các người đã quy cho chúng chứ Allah đã không ban một thẩm quyền nào. Chúng chỉ tưởng tượng và theo điều mà bản thân của chúng mong muốn trong lúc một Chỉ đạo từ Rabb của chúng đã đến với chúng.” [Surah An-Najm: 23]

Do đó, sự chối bỏ là phải phủ nhận tất cả những gì mà những kẻ phủ nhận Allah (ﷻ) liên can. Điều hiển nhiên rằng người sùng bái thì phải có một thượng đế để mà tôn thờ và các hành vi thờ phụng mà y phải tuân theo nhằm có được sự hài lòng của thượng đế. Thiên sứ Muhammad (ﷺ) và những người noi theo Người

¹³. An-Najm (النجم): Ngôi sao

(ﷺ) tôn thờ Allah (ﷻ) bằng cách tuân theo những gì mà Ngài (ﷻ) đã qui định. Bởi vì thế, Lời tuyên thệ của Islam là:

" لا إله إلا الله و محمد رسول الله "

“Không có thượng đế nào đáng phải tôn thờ, ngoại trừ Allah; và Muhammad là Thiên sứ của Allah.”

Lời tuyên thệ của Islam là một sự khẳng định rằng không có một thượng đế nào đúng nghĩa phải tôn thờ, ngoại trừ Đấng Allah (ﷻ) duy nhất mà thôi. Và không có một con đường nào hay phương thức thờ phụng sẽ dẫn đến Ngài (ﷻ) được, ngoại trừ con đường mà Thiên sứ (ﷺ) đã mang đến.

Những kẻ thờ đa thần thờ phụng các thần linh khác ngoài Allah (ﷻ) bằng những phương thức thờ phụng mà Allah (ﷻ) nghiêm cấm. Bởi vì thế mà Thiên sứ (ﷺ) đã nói với họ như sau:

قوله تعالى :

﴿ لَكُمْ دِينُكُمْ وَ لِي دِينِ (٦) ﴾

((6- "Din (tôn giáo, con đường sống) của các ngươi thuộc về các ngươi. Din của Ta thuộc về Ta".))

Tương tự, Allah (ﷻ) cũng đã phán trong Surah Yunus như sau:

قال الله تعالى :

﴿ وَإِنْ كَذَّبُوكَ فَقُلْ لِي عَمَلِي وَ لَكُمْ عَمَلُكُمْ أَنْتُمْ بَرِيئُونَ مِمَّا أَعْمَلُ وَأَنَا بَرِيءٌ مِمَّا تَعْمَلُونَ ﴾

سورة يونس : ٤١

“Và nếu họ cho rằng Ngươi (Muhammad) nói dối, thì hãy bảo họ: “Ta chịu trách nhiệm về công việc của ta và các người về công việc của các người. Các người vô can về công việc của ta và ta vô can về công việc của các người.”

[Surah Yunus: 41]

Và Ngài (ﷻ) đã phán:

قال الله تعالى :

﴿ وَإِذَا سَمِعُوا اللَّغْوَ أَعْرَضُوا عَنْهُ وَقَالُوا لَنَا أَعْمَالُنَا وَ لَكُمْ أَعْمَالُكُمْ سَلَامٌ عَلَيْكُمْ لَا نَبْتَغِي الْجَاهِلِينَ ﴾

سورة القصص : ٥٥

“Và khi nghe chuyện tầm phào, họ cáo lui bỏ đi và nói: “Chúng tôi có công việc của chúng tôi và quý vị có công việc của quý vị. Chúc quý vị được ‘Bằng an’. Chúng tôi không tìm kiếm kẻ ngu dốt (để tranh chấp về Qur’an).”

[Surah Al-Qasas: 55]

Imam Al-Bukhari (رحمه الله) đã nói như sau: “Nó đã được nói لَكُمْ دِينُكُمْ - Din (tôn giáo, con đường sống) của các người thuộc về các người. – có nghĩa là phủ nhận, từ bỏ, chối bỏ, không công nhận. وَلِي دِينٍ - Din của Ta thuộc về Ta – có nghĩa là Islam.”

Surah 109

Surat Al-Kāfirūn (The Disbelievers) - سورة الكافرون

Say, "O disbelievers,

قُلْ يَتَّيِّهَا الْكَافِرُونَ ﴿١﴾

I do not worship what you worship.

لَا أَعْبُدُ مَا تَعْبُدُونَ ﴿٢﴾

Nor are you worshippers of what I worship.

وَلَا أَنْتُمْ عَابِدُونَ مَا أَعْبُدُ ﴿٣﴾

Nor will I be a worshipper of what you worship.

وَلَا أَنَا عَابِدٌ مَّا عَبَدْتُمْ ﴿٤﴾

Nor will you be worshippers of what I worship.

وَلَا أَنْتُمْ عَابِدُونَ مَا أَعْبُدُ ﴿٥﴾

For you is your religion, and for me is my religion."

لَكُمْ دِينُكُمْ وَلِيَ دِينِ ﴿٦﴾

والله أعلم وصلى الله وسلم على نبينا محمد وعلى آله وصحبه أجمعين

ROHMAN IBRAHIM
CỰU SINH VIÊN UIA — MALAYSIA
BIÊN DỊCH VÀ BIÊN SOẠN